

Bản án số: 17/2018/HS-ST
Ngày 29/6/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC KẠN TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Ma Quốc Tuấn**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Lý Văn Liêm**

2. Bà **Trương Thị Xuân**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đặng Thị Thùy Vân**

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn tham gia phiên tòa:
Bà **Hứa Thị Hồng** - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2018 tại Hội trường xét xử của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn.

Xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 14/2018/TLST-HS ngày 25 tháng 5 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2018/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 6 năm 2018 đối với bị cáo:

Nông Thị L H - Sinh ngày 08 tháng 4 năm 1975 tại huyện C Đ, tỉnh Bắc Kạn.

Nơi ĐKKHKT: Tổ 16, phường S C, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn;
Nơi tạm trú: Thôn M T, xã T D, huyện S S, thành phố Hà Nội, nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 12/12; dân tộc: tày; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nông Minh H (đã chết) và bà Ma Thị Đ; Chồng thứ nhất: ông Thái Kim L sinh năm 1970 (đã ly hôn), chồng thứ hai: ông Nông Lương H sinh năm 1972 (đã ly hôn); Con: Có 03 con, con lớn nhất sinh năm 1998, con nhỏ nhất sinh năm 2011; tiền án: Có 01 (Một) tiền án về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản tại bản án số 14/2014/HS-ST ngày 24/12/2014 của Tòa án nhân dân thị xã Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn xử phạt Nông Thị L H 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 60 tháng; tiền sự: Không; hiện nay bị cáo đang tại ngoại và tạm trú tại thôn

M T, xã T D, huyện S S, thành phố Hà Nội (Có mặt tại phiên tòa).

- Bị hại: Ông **Bàn Văn T** – SN 1954, trú tại: Tổ Tân C, phường X H, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn (Có mặt).

- *Người tham gia tố tụng khác:*

Người làm chứng: Bà **Phùng Thị L** – SN 1951, trú tại: Tổ T C, phường X H, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ tháng 8 năm 2013 đến tháng 10 năm 2017, Nông Thị L H trong thời gian làm việc tại Phòng giám định y khoa nay là Trung tâm giám định y khoa tỉnh Bắc Kạn (từ năm 2006 đến tháng 9 năm 2017) biết được việc ông Bàn Văn T sinh năm 1954, trú tại tổ T C, phường X H, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn đến Trung tâm giám định y khoa để khám, giám định chất độc màu da cam, nhưng ngày 21 tháng 01 năm 2016, Hội đồng giám định y khoa tỉnh Bắc Kạn đã kết luận ông Bàn Văn T không có bệnh liên quan đến chất độc hóa học DIOXIN. Mặc dù không có khả năng làm thủ tục hưởng chế độ chất hóa học cho người khác và biết ông Bàn Văn T không thuộc diện được hưởng chế độ chất độc hóa học nhưng do đang nợ tín dụng đen nhiều nên Nông Thị L H đã nảy sinh ý định lợi dụng việc này để lừa đảo chiếm đoạt tài sản của ông Bàn Văn T bằng việc hứa hẹn giúp ông Bàn Văn T làm thủ tục để được hưởng chế độ chất độc hóa học, cụ thể như sau:

Khoảng 09 giờ ngày 10 tháng 8 năm 2016, Nông Thị L H gọi điện thoại cho ông Bàn Văn T giới thiệu là cán bộ Trung tâm giám định y khoa tỉnh Bắc Kạn và có khả năng giúp ông Bàn Văn T làm hồ sơ để được hưởng chế độ chất độc hóa học, ông Bàn Văn T đồng ý. Đến khoảng 10 giờ cùng ngày, Nông Thị L H đến nhà ông Bàn Văn T thuộc tổ T C, phường X H, thành phố Bắc Kạn để gặp ông T và vợ ông T là bà Phùng Thị L sinh năm 1951. Tại đây, Nông Thị L H nói với ông Bàn Văn T là: “*Cháu công tác tại Trung tâm giám định y khoa tỉnh Bắc Kạn, có thể giúp bác làm chế độ chất độc hóa học. Nếu bác làm từ dưới phường thì ít nhất cũng phải đợi 06 tháng, còn nếu để cháu làm thì sẽ được trước tết nguyên đán(tức tháng 02 năm 2017). Nếu bác không làm đợt này thì không còn cơ hội nữa đâu. Cháu đã làm được cho nhiều người giống như bác được hưởng chế độ chất độc hóa học rồi*”. Ông Bàn Văn T tin tưởng đồng ý. Sau đó, Nông Thị L H bảo ông Bàn Văn T phải đưa số tiền 8.000.000đ (Tám triệu đồng) để lo thủ tục và được ông T đồng ý đưa số tiền trên. Để ông T tin là sau khi giao tiền H sẽ làm hồ sơ thủ tục chạy chế độ hóa học, H còn bảo ông T phải đưa bản phô tô Sổ điều trị bệnh tiêu đường của ông T để H làm thủ tục hưởng chế độ

chất độc hóa học. Tại thời điểm đó, ông T không có tiền nên đã gọi cho em dâu là bà Triệu Thị A, sinh năm 1969, trú tại tổ T C, phường X H, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn để hỏi vay số tiền 8.000.000đ (Tám triệu đồng), bà Triệu Thị A đồng ý. Sau khi vay được tiền, vào khoảng 14 giờ ngày 10 tháng 8 năm 2016, ông Bàn Văn T và Nông Thị L H hẹn nhau đến khu vực Bưu điện tỉnh Bắc Kạn thuộc tổ 7B, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn và ông T đã đưa số tiền 8.000.000đ (Tám triệu đồng) và bản phô tô sổ điều trị bệnh tiểu đường cho Nông Thị L H. Sau đó, H đã viết giấy xác nhận với nội dung: “ Ngày 10 tháng 8 năm 2016, cháu H có vay của chú Bàn Văn T số tiền là 8.000.000đ (Tám triệu đồng)” và đưa cho ông Bàn Văn T giữ rồi đi về nhà.

Do đang nợ tín dụng đen và nghĩ rằng còn có thể chiếm đoạt thêm được tiền của ông Bàn Văn T nên khoảng hai tuần sau ngày 10 tháng 8 năm 2016, Nông Thị L H lại gọi điện thoại cho ông Bàn Văn T và nói dối với ông T là cần thêm số tiền 4.000.000đ (Bốn triệu đồng) để làm thủ tục nhanh hơn, ông Bàn Văn T tin tưởng và đồng ý. Sau đó, Nông Thị L H đi xuống nhà ông Bàn Văn T để lấy tiền tuy nhiên ông Bàn Văn T chưa có tiền nên có hẹn Nông Thị L H đúng 17 giờ cùng ngày có mặt tại khu vực ngã ba đường rẽ đi huyện Chợ Đồn thuộc tổ 9, phường Phùng Chí Kiên, thành phố Bắc Kạn để giao nhận tiền. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, ông Bàn Văn T đến điểm hẹn nhưng không thấy Nông Thị L H nên đã gọi điện thoại cho Nông Thị L H. Khoảng một lúc sau thì Nông Thị L H đi đến điểm hẹn, tại đây ông Bàn Văn T đưa cho Nông Thị L H số tiền 4.000.000đ (Bốn triệu đồng), Nông Thị L H nhận tiền rồi đi về nhà.

Khoảng hai tuần sau khi nhận được số tiền 4.000.000đ (Bốn triệu đồng), của ông Bàn Văn T, Nông Thị L H lại tiếp tục gọi điện cho ông Bàn Văn T nói dối là cần thêm số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng) để làm thủ tục nhanh và không cần giám định, ông Bàn Văn T tin tưởng đồng ý và hẹn đúng 11 giờ 30 phút có mặt tại khu vực ngã ba đường rẽ vào tổ T C thuộc tổ Lũng Hoàn, phường Xuất Hóa, thành phố Bắc Kạn để giao nhận tiền. Sau đó Nông Thị L H đi đến điểm đã hẹn, tại đây ông Bàn Văn T đưa cho Nông Thị L H số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng), Nông Thị L H nhận tiền rồi đi về nhà.

Sau khi chiếm đoạt được tổng số tiền 14.000.000đ (Mười bốn triệu đồng) thì Nông Thị L H đã đến nhà ông Bàn Văn T lấy lại và hủy giấy xác nhận lập ngày 10/8/2016 với nội dung: “ Ngày 10/8/2016, cháu H có vay của chú Bàn Văn T số tiền là 8.000.000đ (Tám triệu đồng)” mà trước đó đã viết và đưa cho ông Bàn Văn T giữ. Sau đó, Nông Thị L H có viết lại giấy xác nhận với nội dung: “ Ngày 10/8/2016 cháu H có vay của chú Bàn Văn T số tiền là 14.000.000đ (Mười bốn triệu đồng chẵn). Hẹn 10/7/2017 trả đủ số tiền trên cho chú T./. Tính theo lãi suất 1%. Người vay Nông Thị

L H”

Ngoài ra Nông Thị L H còn vay của ông Bàn Văn T số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) cụ thể như sau: Sau ngày H chiếm đoạt số tiền 4.000.000đ (Bốn triệu đồng) của ông Bàn Văn T khoảng hơn một tuần và trước ngày H chiếm đoạt số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng) của ông T khoảng gần một tuần (không nhớ thời gian cụ thể) thì Nông Thị L H đến nhà ông Bàn Văn T thuộc tổ T C, phường Xuất Hóa, thành phố Bắc Kạn để hỏi vay số tiền 10.000.000đ cho con đi học đại học (Có sự chứng kiến của bà Phùng Thị L). Tại thời điểm đó ông Bàn Văn T không có tiền nhưng do đang nhờ Nông Thị L H làm hồ sơ, thủ tục để được hưởng chế độ chất độc hóa học và vì muốn Nông Thị L H tạo điều kiện để làm hồ sơ, thủ tục cho ông được hưởng chế độ chất độc hóa học nên ông T đã gọi điện hỏi vay em dâu là bà Triệu Thị A số tiền 10.000.000 đ (Mười triệu đồng) để cho Nông Thị L H vay. Sau khi hỏi vay được tiền, ông Bàn Văn T đã hẹn Nông Thị L H đúng 13 giờ ngày hôm sau có mặt tại khu vực ngã ba đường rẽ đi tổ Tân Cư thuộc tổ Lũng Hoàn, phường Xuất Hóa, thành phố Bắc Kạn để giao nhận tiền. Sau khi đến địa điểm đã hẹn trước đó, ông Bàn Văn T và Nông Thị L H đã vào ngồi tại bàn uống nước trong sân nhà bà Triệu Thị K sinh năm 1962, trú tại tổ Lũng Hoàn, phường Xuất Hóa, thành phố Bắc Kạn. Tại đây ông Bàn Văn T đã đưa cho Nông Thị L H số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng), khi nhận tiền, Nông Thị L H có viết giấy biên nhận với nội dung: “ Cháu H vay của chú T số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) hẹn 10 ngày sau sẽ trả” và đưa giấy biên nhận đó cho ông Bàn Văn T giữ. Sự việc trên có sự chứng kiến của bà Triệu Thị K. Tiếp sau đó khoảng ba ngày Nông Thị L H đi đến nhà ông Bàn Văn T, tại đây Nông Thị L H đã lấy lại giấy biên nhận từ ông Bàn Văn T và hủy giấy biên nhận đó. Mục đích Nông Thị L H hủy (xé) giấy biên nhận đó là vì muốn viết gộp giấy biên nhận khoản vay 10.000.000đ (Mười triệu đồng) và giấy biên nhận số tiền 8.000.000đ (Tám triệu đồng) đã viết trước đó khi ông Bàn Văn T đưa số tiền 8.000.000đ (Tám triệu đồng) để làm hồ sơ, thủ tục để được hưởng chế độ chất độc hóa học. Tuy nhiên ông Bàn Văn T không đồng ý, vì vậy Nông Thị L H đã viết lại giấy biên nhận vào tờ giấy giữa của quyển sổ ông Bàn Văn T đưa cho với nội dung: “ Ngày 15/8/2016 Tôi H có vay của chú T 10.000.000đ (Mười triệu đồng chẵn) hẹn đúng 30/8/2016 trả đủ số tiền trên. Tôi cam đoan là đúng nếu sai tôi chịu trách nhiệm trước pháp luật = 11 tr. Người vay tiền Nông Thị L H. Hẹn đến 16/9/2016 cháu xuống”. Đến nay, Nông Thị L H đã trả số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng) vào khoản vay 10.000.000đ (Mười triệu đồng) hiện H còn nợ ông T 7.000.000đ (Bảy triệu đồng).

Để tránh bị Cơ quan pháp luật phát hiện, xử lý, Nông Thị L H không viết nội dung nhận số tiền 14.000.000đ (Mười bốn triệu đồng) của ông T để chạy chất độc hóa học cho ông T mà chỉ viết giấy xác nhận với nội dung: “Ngày 10/8/2016 Cháu H có vay của chú Bàn Văn T số tiền là 14.000.000đ (Mười bốn triệu đồng chẵn). Hẹn

10/7/2017 trả đủ số tiền trên cho chú T./. Người vay Nông Thị L H”. Sau đó đến ngày 02/4/2017 H viết thêm nội dung: “Tính theo lãi xuất 1%” vào giấy xác nhận trên. Đồng thời H yêu cầu ông Bàn Văn T viết giấy xác nhận với nội dung là ông T tự nguyện cho H vay số tiền 24.000.000đ và ông T không nhờ H chạy chất độc gì cả. H nói với ông T là “ Nếu không viết giấy này thì khi cơ quan công an vào điều tra sẽ không làm được chế độ chất độc hóa học cho ông T, còn nếu viết giấy này cơ quan công an không điều tra nữa thì chỉ đến tháng 7 năm 2017, ông T sẽ có sổ được hưởng chế độ chất độc hóa học”. Vì sợ ảnh hưởng đến việc hưởng chế độ chất độc hóa học nên ông T đồng ý viết giấy với nội dung trên theo yêu cầu của H nhưng do ông T viết nhanh nên viết nhầm chữ tự nguyện thành tự nguyện và số tiền 24.000.000đ thành 24.000đ, do đó trong giấy mới có nội dung chữ viết của ông T là “ Ngày 10/8/2016 tôi tự nguyện cho cô H vay 24.000đ với lãi xuất 1% với hạn là 8 tháng (tôi không nhờ cô H chạy chất độc hóa học gì cả). Tôi cam đoan đúng sự thật. Bàn Văn T”.

Bản cáo trạng số: 13/CT- VKSNDTPBK ngày 24/5/2018 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn đã truy tố Nông Thị L H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 điều 139 BLHS 1999.

Điều luật có nội dung: “ 1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác có giá trị từ năm trăm nghìn đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới năm trăm nghìn đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm”.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn giữ nguyên Quyết định truy tố đối với bị cáo Nông Thị L H và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nông Thị L H phạm tội “ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, áp dụng khoản 1 điều 139 Bộ luật hình sự, điểm g khoản 1 Điều 48, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 50, khoản 5 Điều 60; khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 1999 xử phạt bị cáo Nông Thị L H từ 12 đến 18 tháng tù, tổng hợp 30 tháng tù của bản án số 14/2014/HS- ST ngày 24 tháng 12 năm 2014 của Tòa án nhân dân thị xã Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn. Buộc bị cáo Nông Thị L H phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án từ 42 tháng đến 48 tháng tù.

Về hình phạt bổ sung, đề nghị không áp dụng, về xử lý vật chứng, án phí đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

Về trách nhiệm dân sự, ông Bàn Văn T yêu cầu Nông Thị L H phải bồi thường cho ông T số tiền bị cáo Nông Thị L H đã chiếm đoạt của ông T là 14.000.000đ (Mười bốn triệu đồng), đến nay Nông Thị L H chưa thực hiện bồi thường khoản nào.

Đối với số tiền 10.000.000^d (Mười triệu đồng) H vay của ông T để nộp tiền học cho con, H đã trả 3.000.000^d (Ba triệu đồng), số tiền còn nợ lại 7.000.000^d (Bảy triệu đồng) đây là quan hệ dân sự, hơn nữa quá trình chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa ông T không yêu cầu giải quyết trong vụ án này mà sẽ khởi kiện dân sự trong vụ án khác.

Bị cáo Nông Thị L H khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và thừa nhận việc truy tố, xét xử bị cáo là không oan, đúng người, đúng tội.

Tại phần tranh luận bị cáo không có tranh luận với luận tội của Viện kiểm sát. Bị cáo nói lời sau cùng xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo hưởng mức án nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra tại phiên tòa không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận của Nông Thị L H tại phiên tòa. Mặc dù không có khả năng làm thủ tục hưởng chế độ chất độc hóa học cho người khác và biết ông Bàn Văn T không thuộc diện được hưởng chế độ chất độc hóa học nhưng do Nông Thị L H đang thiếu nợ nhiều nên Nông Thị L H đã lợi dụng việc này để lừa đảo chiếm đoạt tài sản của ông Bàn Văn T bằng việc hứa hẹn giúp ông Bàn Văn T làm thủ tục để được hưởng chế độ chất độc hóa học, cụ thể: Trong thời gian từ tháng 8 đến tháng 9 năm 2016 tại địa bàn thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn Nông Thị L H đã có hành vi dùng thủ đoạn gian dối bằng việc đưa ra thông tin giả là mình có khả năng chạy làm thủ tục để được hưởng chế độ chất độc màu da cam cho ông Bàn Văn T có HKTT tại: tổ T C, phường Xuất Hóa, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn, để nhiều lần lừa đảo chiếm đoạt tài sản của ông T với tổng số tiền là 14.000.000^d (Mười bốn triệu đồng) toàn bộ số tiền trên H đã sử dụng chi tiêu cá nhân hết.

Hành vi nêu trên của bị cáo Nông Thị L H đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 139 Bộ luật hình sự. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ căn cứ xác định việc truy tố, xét xử bị cáo Nông Thị L H

về tội “ *Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”; theo khoản 1 Điều 139 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng và phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

[3] Đối với đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với tính chất của vụ án, phù hợp với quy định của pháp luật nên cần được áp dụng khi quyết định.

[4] Xét tính chất hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Bị cáo đã có một tiền án về tội xâm phạm sở hữu nhưng không lấy đó làm bài học cho bản thân mà bị cáo lại tiếp tục phạm tội mới thể hiện thái độ coi thường pháp luật. Vì vậy, cần được xử lý nghiêm minh.

Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo HĐXX thấy: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, về hành vi phạm tội của mình, bị cáo có ông nội là Nông Nghiêm S được Nhà nước tặng thưởng huân chương kháng chiến nên bị cáo được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ “*Người phạm tội thành khẩn khai báo*” quy định tại điểm p khoản 1 và 01 tình tiết quy định tại khoản 2 Điều 46 BLHS. Bị cáo phải chịu 02 tình tiết tăng nặng là “*Phạm tội nhiều lần*” và “*Tái phạm*” quy định tại Điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS.

Khi bị cáo thực hiện hành vi lừa đảo này đang trong thời gian thử thách của án treo (Bản án số: 14/2014/HS-ST ngày 24/12/2014 của Tòa án nhân dân thị xã Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn xử phạt Nông Thị L H 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 60 tháng). Nên HĐXX quyết định hình phạt đối với tội mới và tổng hợp hình phạt với bản án số 14 theo quy định tại khoản 5 điều 60; khoản 2 Điều 51/BLHS.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, ông Bàn Văn T yêu cầu Bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường cho ông số tiền là 14.000.000đ (Mười bốn triệu đồng) mà bị cáo đã chiếm đoạt. Yêu cầu của ông Bàn Văn T là chính đáng nên cần áp dụng điều 584 và 585, 586 Bộ luật dân sự buộc bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường cho ông Bàn Văn Th.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp, nơi ở ổn định, không có tài sản nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về vật chứng: Tiếp tục lưu trong hồ sơ vụ án những vật chứng sau đây: 01 tờ giấy có bốn mặt do Nông Thị L H viết trong đó mặt thứ nhất viết ngày 10/8/2016, mặt thứ hai không viết gì, mặt thứ ba viết ngày 15/8/2016, mặt thứ tư không viết gì; 01 tờ giấy do ông Bàn Văn T viết ngày 10/8/2016.

*** Về án phí:** Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

*** Tuyên bố:** Bị cáo Nông Thị L H phạm tội “ *Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 139; điểm p Khoản 1 và Khoản 2 Điều 46; điểm g Khoản 1 Điều 48; Điều 50; khoản 5 Điều 60; khoản 2 Điều 51 của BLHS năm 1999.

- Xử phạt: Bị cáo Nông Thị L H 12 (Mười hai) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tổng hợp 30 (Ba mươi) tháng tù của bản án số 14/2014/HSST ngày 24/12/2014 của Tòa án nhân dân thị xã Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn. Buộc bị cáo Nông Thị L H phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là 42 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo thi hành bản án này.

Không phạt bổ sung (Phạt tiền) đối với bị cáo.

*** Về vật chứng:** Áp dụng điều 106 BLTTHS Tiếp tục lưu trong hồ sơ vụ án những vật chứng sau đây: 01 tờ giấy có bốn mặt do Nông Thị L H viết trong đó mặt thứ nhất viết ngày 10/8/2016, mặt thứ hai không viết gì, mặt thứ ba viết ngày 15/8/2016, mặt thứ tư không viết gì; 01 tờ giấy do ông Bàn Văn T viết ngày 10/8/2016.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng điều 42 BLHS 1999, Điều 584,585,586 BLDS 2015 buộc bị cáo Nông Thị L H phải bồi thường cho ông Bàn Văn T số tiền là 14.000.000đ(Mười bốn triệu đồng).

Việc thi hành án khoản tiền bồi thường được thực hiện theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015: “*Trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền*

1. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này”

*** Án phí:** Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 700.000^d (Bảy trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa

thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, bị hại. Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND thành phố Bắc Kạn;
- Cơ quan CSĐT Công an;
Thành phố Bắc Kạn;
- Cơ quan THA HS;
Công an Thành phố Bắc Kạn;
- Chi cục THADS TP Bắc Kạn;
- Sở Tư pháp;
- Bị cáo; Bị hại;
- Lưu HS.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Ma Quốc Tuấn